

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2020

*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh và ông Nguyễn Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nguyễn- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Huy T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị Tr, sinh năm 1989.

HKTT: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Huy T trình bày: Anh T và chị Đỗ Thị Tr được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã C ngày 02/10/2017, hai bên gia đình tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau ngày cưới chị Tr về nhà anh T chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng 02 tháng thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có cãi nhau khi đó chị Tr đang mang thai. Sau đó chị Tr đã tự ý dọn đồ về nhà đẻ tại xã A sống ly thân, anh T có đến tìm đón nhiều lần, đến tháng sinh con thì chị Tr về đoàn tụ. Sau khi sinh con được khoảng 01 tháng thì vợ chồng lại mâu thuẫn và chị Tr dọn đồ và đưa con về nhà đẻ sống ly thân đến nay. Anh T và gia đình đã nhiều lần tìm đón chị Tr về đoàn tụ nhưng chị Tr không về. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T xin ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Khánh P- sinh ngày 14/7/2018, hiện con đang ở với chị Tr. Khi ly hôn do con còn nhỏ và đang ở ổn định với chị Tr nên anh T đề chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr mỗi tháng 2.000.000đ.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Đỗ Thị Tr tại Biên bản ghi lời khai, Biên bản hòa giải đều trình bày: Xác định việc xác lập quan hệ hôn nhân như anh T trình bày là đúng. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng là do nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân do anh T nghe gia đình bên đó, ít quan tâm động viên chị, tình cảm đối với chị phai nhạt dần. Trong khi chị mang thai cần phải nghỉ ngơi thì anh T và gia đình hắt hủi nên chị đã phải về nhà đẻ tại xã A sống; Từ khi sống ly thân đến nay hai vợ chồng không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Chị xác định vợ chồng cứ sống ly thân một thời gian nữa để có thời gian hiểu nhau hơn. Nay anh T có đơn ly hôn thực lòng chị muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con, còn nếu anh Tuấn cương quyết ly hôn, chị đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Khánh P- sinh ngày 14/7/2018, hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn do con còn nhỏ và đang ở ổn định với chị nên chị Tr xin được tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản, vay nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị H- mẹ đẻ anh T, mẹ chồng chị Tr cung cấp: Anh T và chị Tr được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã C, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị Tr về nhà chung sống với anh T.

Quá trình chung sống thấy vợ chồng cũng có bất đồng quan điểm sống, chị Tr sống với anh T yên ổn được hơn tháng khi có bầu thì chị Tr cãi nhau mảy tao với anh T rồi tự ý dọn đồ bỏ về nhà đẻ tại A sống. Đến gần ngày sinh nở thì chị Tr xin phép về lại nhà rồi đến khi đẻ xong khoảng 01 tháng thì lại dọn đồ đưa con về nhà đẻ sống ly thân anh T đến nay. Tính từ khi cưới chị Tr sống chung với anh T tại nhà được khoảng 3 tháng. Bản thân bà cùng anh T đã nhiều lần đến tìm đón chị Tr về đoàn tụ nhưng chị Tr không về, thỉnh thoảng chị Tr có điện thoại cho bà muốn anh T phải đến đón lần nữa, bà chuyển lời cho anh T thì anh T khẳng định chị Tr tự ý bỏ đi thì phải tự về, gia đình và anh T không đánh đuổi.

Việc chung sống hay ly hôn là quyền của chị Tr và anh T, nhưng nguyện vọng, tâm tư của gia đình đều mong muốn anh chị đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình chung, nuôi dạy con còn nhỏ.

Vợ chồng anh T chị Tr có 01 con chung là Phạm Khánh P- sinh ngày 14/7/2018, hiện cháu đang ở với chị Tr. Nguyện vọng của gia đình bà muốn được nuôi dưỡng cháu P vì là cháu nội và cháu trai. Còn việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng là do anh T với chị Tr. Nếu anh T được nuôi con bà và gia đình cam kết hỗ trợ anh T để nuôi con tốt nhất.

Về tài sản của anh T chị Tr có tài sản riêng gì chung bà không nắm được.

Tại phiên toà: Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm như nội dung đã nêu ở trên.

Chị Tr vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

Bà H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Huy T ly hôn chị Đỗ Thị Tr. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Tr tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Khánh P- sinh ngày 14/7/2018, anh Phạm Huy T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đỗ Thị Tr 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 07/2020 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về công sức, tài sản chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Bị đơn chị Tr có đơn xin vắng mặt; Người làm chứng bà H vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2, 3 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Tr, bà H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Huy T và chị Đỗ Thị Tr được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã C ngày 02/10/2017, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T và chị Tr thấy rằng: Vợ chồng anh T chị Tr kết hôn năm 2017, hạnh phúc hòa thuận được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Chị Tr đã dọn đồ về nhà đẻ ở tại thôn A, xã A cuối năm 2017. Được gia đình động viên chị Tr sau đó đã về nhà anh T đoàn tụ và sinh con nhưng chỉ được 01 tháng lại xảy ra mâu thuẫn và chị Tr lại dọn đồ và đưa con về nhà đẻ ở, sống ly thân đến nay hai bên không ai quan tâm đến ai. Chị Tr không muốn ly hôn vì thương con và cũng không về đoàn tụ, không đưa ra được phương án để vợ chồng hòa giải. Trong khi anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ và cương quyết ly hôn. Từ khi ly thân đến nay chị Tr và anh T không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh T xin ly hôn với chị Tr.

[4] Về con chung: Cháu Phạm Khánh P- sinh ngày 14/7/2018 là con chung của anh Phạm Huy T và chị Đỗ Thị Tr. Hiện cháu P dưới 03 tuổi và đang sống ổn định cùng chị Tr. Chị Tr có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng cháu P và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với chị 2.000.000đ/tháng. Anh T đồng ý để chị Tr nuôi con, đồng ý mức cấp dưỡng mà chị Tr yêu cầu. Vì vậy, giao cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, anh Phạm Huy T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đỗ Thị Tr 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 07/2020 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: Nguyên đơn anh T, bị đơn chị Tr không yêu cầu giải quyết nên không phải giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Phạm Huy T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, phải cấp dưỡng nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2, khoản 3 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Huy T ly hôn chị Đỗ Thị Tr.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Tr tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Khánh P- sinh ngày 14/7/2018, anh Phạm Huy T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đỗ Thị Tr 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 07/2020 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản, vay nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Huy T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà anh T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0008522 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Anh Phạm Huy T còn phải nộp tiếp 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách